



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 22

Ngày 01 tháng 4 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 13-3-2014 - Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ban hành Quy trình giải quyết tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 05-3-2014 - Quyết định số 1028/QĐ-UBND ban hành Phương án đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động thủy sản trên địa bàn Thành phố. 23
- 13-3-2014 - Quyết định số 1158/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch kiểm tra, khảo sát công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 38

- 13-3-2014 - Chỉ thị số 05/CT-UBND về tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước năm 2014 và tổ chức các hoạt động lập thành tích chào mừng kỷ niệm 60 năm Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ và các ngày Lễ lớn trong năm 2014. 47

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

- 28-02-2014 - Quyết định số 155/QĐ-UBND về công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ đầu theo Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. 52

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình giải quyết tố cáo
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ về quy định quy trình giải quyết tố cáo;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Thành phố tại Tờ trình số 21/TT-TTTP-BQLDA ngày 25 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình giải quyết tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2.

1. Bãi bỏ các điều từ Điều 30 đến Điều 34 Chương VIII quy định về quy trình

xử lý, giải quyết đơn tố cáo của Quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 132/2006/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Thay thế toàn bộ các biểu mẫu nghiệp vụ giải quyết tố cáo thuộc một phần Quyết định số 60/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành biểu mẫu nghiệp vụ tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Chánh Thanh tra Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH

Giải quyết tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định chi tiết các giai đoạn của quá trình tiếp nhận, thụ lý, xác minh, kết luận về nội dung tố cáo, việc xử lý tố cáo của người giải quyết tố cáo, việc công khai kết luận, quyết định xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực và việc giải quyết lại tố cáo.

Việc giải quyết tố cáo thông qua hoạt động thanh tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra và các quy định khác có liên quan; việc thông báo thụ lý tố cáo, thông báo kết quả giải quyết tố cáo thực hiện theo quy định tại Quy trình này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan, tổ chức, đơn vị do cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thành lập; cán bộ, công chức, viên chức chịu sự quản lý trực tiếp của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Người giải quyết tố cáo, người được giao nhiệm vụ tiếp nhận, xác minh nội dung tố cáo thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến nội dung tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 3. Nguyên tắc giải quyết tố cáo

1. Kịp thời, chính xác, khách quan, công bằng, dân chủ, đúng pháp luật.
2. Đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định của pháp luật.
3. Trong phạm vi trách nhiệm của mình, người giải quyết tố cáo, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giao xác minh nội dung tố cáo phải thực hiện theo thẩm quyền hoặc báo ngay cho cơ quan công an, cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp bảo vệ người tố cáo; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo; ngăn chặn kịp thời, chấm dứt các hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Điều 4. Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay

1. Đối với tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay thì việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo trình tự sau đây:

- a) Người có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo;
- b) Trường hợp tố cáo hành vi vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực mà mình quản lý, người tiếp nhận tố cáo phải trực tiếp tiến hành hoặc báo cáo người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tiến hành ngay việc xác minh nội dung tố cáo, áp dụng biện pháp cần thiết để đình chỉ hành vi vi phạm và kịp thời lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật (nếu có); việc xác minh, kiểm tra thông tin về người tố cáo được thực hiện trong trường hợp người giải quyết tố cáo thấy cần thiết cho quá trình xử lý hành vi bị tố cáo;
- c) Người giải quyết tố cáo ban hành quyết định xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ vụ việc tố cáo được lập chung cùng hồ sơ xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Rút tố cáo

1. Khi người tố cáo có đơn xin rút toàn bộ nội dung tố cáo hoặc rút một phần nội dung tố cáo và xét thấy việc rút tố cáo là có căn cứ, Chánh Thanh tra các cấp, thủ trưởng cơ quan, tổ chức được giao xác minh nội dung tố cáo có văn bản báo cáo

cho người giải quyết tố cáo trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn.

2. Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm xem xét và quyết định trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo.

3. Trường hợp xét thấy hành vi vi phạm pháp luật vẫn chưa được phát hiện và xử lý thì người giải quyết tố cáo vẫn xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp có căn cứ cho rằng việc rút tố cáo do người tố cáo bị đe dọa, ép buộc thì người giải quyết tố cáo phải áp dụng các biện pháp để bảo vệ người tố cáo, xử lý nghiêm đối với người đe dọa, ép buộc người tố cáo, đồng thời phải xem xét, giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp người tố cáo xin rút nội dung tố cáo nhằm che giấu hành vi vi phạm pháp luật, trốn tránh trách nhiệm hoặc vì vụ lợi thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người tố cáo sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời người giải quyết tố cáo phải xem xét, giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Mục 1

CHUẨN BỊ THỤ LÝ, XÁC MINH TỐ CÁO

Điều 6. Thời hạn xác minh, kiến nghị và kết luận nội dung tố cáo

1. Việc xác minh, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo và lập báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo trình người giải quyết tố cáo được thực hiện trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 75 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định thụ lý giải quyết tố cáo.

2. Khi cần gia hạn thời gian phục vụ cho việc xác minh như đo vẽ, trưng cầu giám định, tổ chức tham khảo ý kiến tư vấn của cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý cấp trên hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan hoặc Hội đồng chuyên môn (trong các lĩnh vực đặc thù) và các hoạt động khác thì thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quy trình này.

3. Việc kết luận nội dung tố cáo, xử lý tố cáo, gửi kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo được thực hiện trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày

nhận được báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo của người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo.

Điều 7. Giao kiểm tra, xác minh họ tên, địa chỉ, nội dung và điều kiện thụ lý tố cáo

Khi nhận được đơn tố cáo thuộc thẩm quyền, Văn phòng Tiếp công dân Thành phố hoặc Tổ Tiếp công dân và xử lý đơn của người giải quyết tố cáo chuyển đơn đến cơ quan thanh tra cùng cấp tiến hành kiểm tra, xác minh về họ tên, địa chỉ của người tố cáo và các nội dung khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Luật Tố cáo trong vòng 05 ngày, làm việc kể từ ngày nhận đơn.

Điều 8. Quyết định việc thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết tố cáo

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, cơ quan thanh tra có trách nhiệm:

1. Tiến hành kiểm tra, xác minh họ, tên, địa chỉ người tố cáo và các nội dung khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Luật Tố cáo trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đơn.

2. Trường hợp xác định đơn đủ điều kiện thụ lý thì có Phiếu đề xuất và dự thảo Quyết định thụ lý giải quyết tố cáo để trình người giải quyết tố cáo xem xét, quyết định (*theo Mẫu số 04-TC, 05-TC hoặc 06-TC của Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định Quy trình giải quyết tố cáo, sau đây gọi tắt là Thông tư 06/2013/TT-TTCP*) trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày xác định đơn đủ điều kiện thụ lý.

3. Trường hợp xác định đơn không đủ điều kiện thụ lý:

a) Có văn bản báo cáo và dự thảo Thông báo không thụ lý đến người giải quyết tố cáo (*theo Mẫu số 02-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCP*) trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày xác định đơn không đủ điều kiện thụ lý.

b) Người giải quyết tố cáo xem xét, ban hành Thông báo không thụ lý giải quyết tố cáo trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo.

c) Thông báo không thụ lý giải quyết tố cáo được gửi cho Văn phòng Tiếp công dân Thành phố hoặc Tổ Tiếp công dân và xử lý đơn của người giải quyết tố cáo, cơ quan thanh tra cùng cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đơn đến và người tố cáo (khi có yêu cầu).

4. Trường hợp vụ việc phức tạp, phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn thực hiện việc kiểm tra, xác minh họ, tên, địa chỉ người tố cáo, điều kiện thụ lý và kiến nghị đề xuất là 12 ngày, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

Điều 9. Ban hành Quyết định thụ lý giải quyết tố cáo và thành lập Đoàn xác minh nội dung tố cáo

1. Người giải quyết tố cáo phải ban hành Quyết định thụ lý giải quyết tố cáo (sau đây gọi tắt là Quyết định thụ lý) trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu đề xuất và dự thảo Quyết định thụ lý của cơ quan thanh tra.

2. Trường hợp người giải quyết tố cáo tự mình tiến hành việc xác minh thì trong Quyết định thụ lý phải nêu cụ thể việc thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác minh), có ít nhất hai người trở lên, giao cho một người làm Trưởng Đoàn xác minh hoặc Tổ trưởng Tổ xác minh theo Mẫu số 05-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCP và gửi cho các thành viên của Tổ xác minh, Văn phòng Tiếp công dân Thành phố hoặc Tổ tiếp công dân và xử lý đơn, cơ quan thanh tra cùng cấp trong vòng 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành.

3. Trường hợp người giải quyết tố cáo giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo cho cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (sau đây gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo) thì trong Quyết định thụ lý ghi rõ cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ xác minh, tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tố cáo, họ tên, chức vụ, chức danh, địa chỉ của cá nhân bị tố cáo, nội dung cần xác minh, thời hạn xác minh theo Mẫu số 06-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCP và gửi cho người xác minh nội dung tố cáo, Văn phòng Tiếp công dân Thành phố hoặc Tổ tiếp công dân và xử lý đơn trong vòng 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành.

4. Người xác minh nội dung tố cáo có trách nhiệm thành lập Tổ xác minh trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định thụ lý. Quyết định thành lập Tổ xác minh thực hiện theo Mẫu số 07-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCP.

5. Việc thông báo thụ lý tố cáo cho người tố cáo về thời điểm thụ lý tố cáo và các nội dung tố cáo được thụ lý thực hiện bằng việc gửi Quyết định thụ lý cho người tố cáo trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành.

Điều 10. Lập kế hoạch xác minh nội dung tố cáo

Tổ trưởng Tổ xác minh phải lập kế hoạch xác minh nội dung tố cáo (*theo Mẫu số 01 ban hành kèm Quy trình này*), trình người ban hành Quyết định thành lập Tổ xác minh phê duyệt.

1. Nội dung kế hoạch xác minh gồm:
 - a) Căn cứ pháp lý để tiến hành xác minh;
 - b) Mục đích, yêu cầu;
 - c) Nội dung xác minh;
 - d) Các tài liệu, bằng chứng cần thu thập, kiểm tra;
 - đ) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cần phải làm việc để thu thập thông tin, tài liệu, bằng chứng;
 - e) Các điều kiện, phương tiện phục vụ cho việc xác minh;
 - g) Dự kiến thời gian thực hiện từng công việc; nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên; thời gian dự phòng để xử lý các công việc phát sinh;
 - h) Việc báo cáo tiến độ thực hiện;
 - i) Các nội dung khác có liên quan (nếu có).
2. Tổ trưởng Tổ xác minh chịu trách nhiệm phổ biến, chỉ đạo thực hiện kế hoạch xác minh.
3. Thời hạn lập kế hoạch xác minh không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thành lập Tổ xác minh.
4. Người ban hành Quyết định thành lập Tổ xác minh có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch xác minh trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kế hoạch.

Mục 2

XÁC MINH NỘI DUNG TỐ CÁO VÀ KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ TỐ CÁO

Điều 11. Công bố Quyết định thành lập Tổ xác minh

1. Tổ trưởng Tổ xác minh có trách nhiệm tổ chức công bố quyết định thành lập Tổ xác minh, kế hoạch xác minh tố cáo với người bị tố cáo. Nội dung buổi công bố được lập thành biên bản, có chữ ký của những người dự công bố, giao một bản cho cá nhân bị tố cáo, người đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tố cáo và lưu vào hồ sơ giải quyết tố cáo.
2. Trường hợp người bị tố cáo là cơ quan, tổ chức, đơn vị thì người đứng đầu cơ

quan, tổ chức, đơn vị hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó là người tham dự buổi công bố.

3. Trường hợp cần thiết, mời đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan tham dự buổi công bố.

4. Việc công bố quyết định thành lập Tổ xác minh, kế hoạch xác minh cho người bị tố cáo phải giữ bí mật thông tin về người tố cáo và được thực hiện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Tổ xác minh.

Điều 12. Làm việc trực tiếp với người tố cáo

1. Tổ xác minh có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị nội dung làm việc nhằm xác định rõ nội dung tố cáo và các thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo cần người tố cáo cung cấp.

2. Nội dung các buổi làm việc được lập thành biên bản (*theo Mẫu số 09-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCP*), có chữ ký của các bên và giao một bản cho người tố cáo. Trường hợp người tố cáo không ký biên bản thì phải ghi rõ lý do.

3. Trường hợp có lý do chính đáng không thể làm việc trực tiếp, người ban hành quyết định thành lập Tổ xác minh có văn bản yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng để làm rõ nội dung tố cáo.

Điều 13. Làm việc trực tiếp với người bị tố cáo

1. Tổ xác minh chuẩn bị những nội dung cụ thể để yêu cầu người bị tố cáo giải trình và cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung bị tố cáo.

2. Việc giải trình của người bị tố cáo được thực hiện bằng văn bản. Trong trường hợp giải trình của người bị tố cáo chưa rõ; thông tin, tài liệu, bằng chứng do người bị tố cáo cung cấp chưa đầy đủ thì Tổ xác minh yêu cầu người bị tố cáo tiếp tục giải trình và cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng về các vấn đề còn chưa rõ.

3. Nội dung các buổi làm việc được lập thành biên bản (*theo Mẫu số 09-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCP*), có chữ ký của các bên và giao một bản cho người bị tố cáo. Trường hợp người bị tố cáo không ký biên bản thì phải ghi rõ lý do.

4. Thời gian gửi văn bản giải trình được thực hiện trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tổ xác minh.

Điều 14. Xác minh thực tế

1. Căn cứ kế hoạch xác minh, tình tiết vụ việc hoặc chỉ đạo của người ban hành quyết định thành lập Tổ xác minh, Tổ xác minh tiến hành xác minh thực tế ở những

địa điểm cần thiết để thu thập, kiểm tra, xác định tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo.

2. Việc xác minh phải lập thành biên bản, ghi nhận toàn bộ quá trình thực hiện, kết quả xác minh, hiện trạng, ý kiến và chữ ký của những người tham gia quá trình xác minh (*theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quy trình này*). Biên bản xác minh thực tế được cung cấp cho những người có liên quan và lưu trong hồ sơ giải quyết tố cáo. Trường hợp có người không ký biên bản thì phải ghi rõ lý do.

Điều 15. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo

1. Người xác minh nội dung tố cáo có văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo.

2. Văn bản yêu cầu nêu rõ thời hạn thực hiện báo cáo, bộ phận tiếp nhận (*theo Mẫu số 10-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCP*).

3. Người xác minh nội dung tố cáo đã có văn bản đôn đốc hai lần mà cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan vẫn không cung cấp thông tin, tài liệu thì căn cứ vào hồ sơ đã thu thập được, đối chiếu quy định pháp luật để lập báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của người xác minh nội dung tố cáo thì tùy theo tính chất và mức độ sẽ bị xử lý theo quy định.

5. Trường hợp cần thiết, Tổ xác minh làm việc trực tiếp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan. Nội dung các buổi làm việc được lập thành biên bản (*theo Mẫu số 09-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCP*), có chữ ký của các bên và mỗi bên giữ một bản. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan không ký biên bản thì phải ghi rõ lý do.

Điều 16. Trưng cầu giám định

1. Trong trường hợp cần thiết, để kết luận tính hợp pháp, tính chính xác của những tài liệu, bằng chứng do người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan cung cấp thì Tổ trưởng Tổ xác minh đề xuất với người ban hành quyết định thành lập Tổ xác minh trưng cầu cơ quan có thẩm quyền giám định về những nội dung nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí trưng cầu giám định do người yêu cầu giám định chi trả trong nguồn kinh phí ngân sách được giao hàng năm. Trường hợp giám định theo yêu cầu của

người tố cáo, người bị tố cáo thì kinh phí giám định do người tố cáo, người bị tố cáo chi trả.

3. Việc trưng cầu giám định thực hiện bằng văn bản (*theo Mẫu số 12-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCP*).

Điều 17. Tài liệu, hồ sơ thu thập trong quá trình xác minh

1. Các tài liệu, hồ sơ được cung cấp phải có sự đối chiếu với bản chính, có dấu sao y, sao lục hoặc đóng dấu treo, dấu xác nhận của cơ quan cung cấp. Trường hợp tài liệu là bản sao không có bản chính, bản gốc để đối chiếu, hoặc tài liệu bị mất trang, mất chữ, cũ, mờ... thì người cung cấp có trách nhiệm ký xác nhận về tài liệu cung cấp.

2. Khi tiếp nhận thông tin, tài liệu, hồ sơ, Tổ xác minh phải lập Giấy biên nhận theo Mẫu số 11-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCP.

3. Thời gian cung cấp, bổ sung các hồ sơ, tài liệu được thực hiện trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày người xác minh nội dung tố cáo hoặc Tổ xác minh yêu cầu.

Điều 18. Gia hạn việc giải quyết tố cáo

1. Trong quá trình tiến hành xác minh nội dung tố cáo, xét thấy có nhiều tình tiết phát sinh, cần thêm thời gian tiến hành xác minh thì người xác minh nội dung tố cáo có văn bản báo cáo, kiến nghị người giải quyết tố cáo gia hạn thêm thời gian giải quyết tố cáo.

2. Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm xem xét, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Luật Tố cáo để ban hành Quyết định gia hạn giải quyết tố cáo (*theo Mẫu số 13-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCP*) trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị.

Điều 19. Tiếp nhận, xử lý tố cáo tiếp và giải quyết lại tố cáo

Việc tiếp nhận, xử lý tố cáo tiếp và giải quyết lại tố cáo thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Tố cáo, Khoản 3 Điều 7 và Điều 8 của Thông tư 06/2013/TT-TTCP.

Điều 20. Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo

1. Tổ trưởng Tổ xác minh có trách nhiệm:

a) Trên cơ sở tổng hợp thông tin, tài liệu thu thập được và kết quả xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh lập báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo (sau đây gọi tắt là báo cáo kết quả xác minh); báo cáo phải được lấy ý kiến của tất cả thành viên trước khi trình người ban hành quyết định thành lập Tổ xác minh.

b) Trình báo cáo kết quả xác minh và dự thảo kết luận nội dung tố cáo cho người ban hành quyết định thành lập Tổ xác minh xem xét, phê duyệt (theo Mẫu số 14-TC và 16-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCT).

c) Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh của Tổ đã được phê duyệt, hoàn chỉnh thành báo cáo kết quả xác minh của người xác minh nội dung tố cáo (theo Mẫu số 15-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCT).

d) Gửi báo cáo kết quả xác minh của người xác minh nội dung tố cáo, dự thảo kết luận nội dung tố cáo và toàn bộ hồ sơ có liên quan đến người có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong vòng 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký báo cáo kết quả xác minh.

2. Người ban hành quyết định thành lập Tổ xác minh có trách nhiệm xem xét, phê duyệt và ký báo cáo kết quả xác minh trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo.

3. Báo cáo kết quả xác minh của Tổ xác minh phải có các nội dung chính sau:

a) Thông tin về người tố cáo và người bị tố cáo (họ, tên, địa chỉ...);

b) Nội dung tố cáo;

c) Nội dung những tài liệu, bằng chứng người tố cáo cung cấp để chứng minh hành vi vi phạm;

d) Nội dung giải trình của người bị tố cáo;

đ) Nội dung những tài liệu, bằng chứng người bị tố cáo cung cấp để chứng minh tính đúng, sai của hành vi bị tố cáo;

e) Nội dung những tài liệu, bằng chứng khác do Tổ xác minh thu thập được có giá trị chứng minh tính đúng, sai của hành vi bị tố cáo;

g) Nhận xét, đánh giá về nội dung tố cáo được giao xác minh là tố cáo đúng, đúng một phần hoặc sai; việc người tố cáo cố ý tố cáo sai sự thật (nếu có);

h) Nhận xét, đánh giá về hành vi vi phạm pháp luật của người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác (nếu có); nguyên nhân, trách nhiệm của người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong những nội dung tố cáo đúng hoặc đúng một phần;

i) Thiệt hại về vật chất, tinh thần do hành vi vi phạm pháp luật gây ra; đối tượng bị thiệt hại;

k) Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong Tổ xác minh (nếu có);

l) Kiến nghị với người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành vi vi phạm pháp luật và buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật gây ra.

4. Báo cáo kết quả của người xác minh nội dung tố cáo phải có các nội dung chính sau:

- a) Thông tin về người tố cáo và người bị tố cáo (họ, tên, địa chỉ...);
- b) Nội dung tố cáo;
- c) Nội dung những tài liệu, bằng chứng người tố cáo cung cấp để chứng minh hành vi vi phạm;
- d) Nội dung giải trình của người bị tố cáo;
- đ) Nội dung những tài liệu, bằng chứng người bị tố cáo cung cấp để chứng minh tính đúng, sai của hành vi bị tố cáo;
- e) Nội dung những tài liệu, bằng chứng khác do người xác minh nội dung tố cáo thu thập được có giá trị chứng minh tính đúng, sai của hành vi bị tố cáo;
- g) Kết luận về nội dung tố cáo được giao xác minh là tố cáo đúng, đúng một phần hoặc sai; việc người tố cáo cố ý tố cáo sai sự thật (nếu có);
- h) Kết quả thông báo dự thảo kết luận nội dung tố cáo (nếu có);
- i) Kết luận về hành vi vi phạm pháp luật của người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác (nếu có); nguyên nhân, trách nhiệm của người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong những nội dung tố cáo đúng hoặc đúng một phần;
- k) Kết luận về thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật gây ra; đối tượng bị thiệt hại;
- l) Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau (nếu có);
- m) Kiến nghị với người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành vi vi phạm pháp luật và buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra; đề xuất hình thức công khai kết luận nội dung tố cáo.

Mục 3

KẾT LUẬN VÀ CÔNG KHAI KẾT LUẬN NỘI DUNG TỐ CÁO, QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM BỊ TỐ CÁO

Điều 21. Thông báo dự thảo kết luận nội dung tố cáo

Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo kết quả xác minh và dự thảo kết luận nội dung tố cáo được người ban hành quyết định thành lập Tổ xác minh phê duyệt, người xác minh nội dung tố cáo hoặc Tổ trưởng Tổ xác minh có trách nhiệm; xem xét, quyết định tổ chức thông báo trực tiếp dự thảo kết luận nội dung tố cáo với người bị tố cáo tại trụ sở làm việc, trừ những nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc các thông tin có hại cho người tố cáo. Việc thông báo trực tiếp phải lập thành biên bản. Biên bản phải có chữ ký của các bên tham dự. Trong trường hợp người bị tố cáo không ký biên bản thì phải ghi rõ sự việc đó trong biên bản.

Trường hợp sử dụng hình thức gửi dự thảo kết luận nội dung tố cáo cho người bị tố cáo để giải trình, trong thời hạn 07 ngày làm việc, người bị tố cáo có trách nhiệm gửi trả lại bản dự thảo kết luận nội dung tố cáo kèm theo văn bản giải trình cho người xác minh nội dung tố cáo. Việc quản lý và sử dụng dự thảo kết luận nội dung tố cáo phải thực hiện theo quy chế quản lý tài liệu mật.

Điều 22. Kết luận nội dung tố cáo

1. Căn cứ báo cáo kết quả xác minh, các tài liệu, hồ sơ đã thu thập, đối chiếu quy định pháp luật, người giải quyết tố cáo xem xét ban hành Kết luận nội dung tố cáo.

2. Kết luận nội dung tố cáo đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điều 23 và thực hiện theo Mẫu số 16-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCP.

Điều 23. Xử lý tố cáo

Sau khi có kết luận về nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo phải căn cứ kết quả xác minh, kết luận nội dung tố cáo để xử lý như sau:

1. Trường hợp người bị tố cáo thuộc quyền quản lý và hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định về nhiệm vụ, công vụ thuộc thẩm quyền xử lý của người giải quyết tố cáo:

Có hậu quả về thất thoát tiền, tài sản của Nhà nước: ban hành Quyết định thu hồi tiền, tài sản của Nhà nước.

Tiến hành thủ tục xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, buộc khắc phục hậu quả gây ra theo quy định pháp luật.

2. Đối với hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định về nhiệm vụ, công vụ thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của mình thì người giải quyết tố cáo chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đó xử lý vi phạm và buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật gây ra.

3. Trường hợp hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm thì có văn bản chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra (theo Mẫu số 17-TC của Thông tư 06/2013/TT-TTCP) để xử lý theo quy định pháp luật.

4. Nếu kết luận người bị tố cáo không vi phạm quy định trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì phải thông báo bằng văn bản cho người bị tố cáo, cơ quan quản lý người bị tố cáo biết, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật theo quy định của pháp luật.

5. Đối với hành vi vi phạm pháp luật không liên quan đến nhiệm vụ, công vụ thì việc xử lý thực hiện theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 24 Thông tư 06/2013/TT-TTCP.

6. Quyết định xử lý hành vi vi phạm, văn bản chỉ đạo, kiến nghị phải nêu cụ thể hành vi vi phạm, trách nhiệm thực hiện, thời gian hoàn thành và thông báo kết quả thực hiện.

Điều 24. Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo

Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2011, Điều 11 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo và Điều 25 Thông tư 06/2013/TT-TTCP.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước về giải quyết tố cáo

1. Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã chịu trách nhiệm phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện Quy trình này.

2. Chánh Thanh tra Thành phố chủ trì phối hợp với Trường Cán bộ Thành phố tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giải quyết tố cáo cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ giải quyết tố cáo trên địa bàn; phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Quy trình này.

3. Chánh Thanh tra các cấp, các ngành giúp Thủ trưởng cùng cấp quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo trên địa bàn.

4. Định kỳ hàng quý, 06 tháng, 09 tháng, năm, Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả giải quyết tố cáo đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng gửi đến Thanh tra Thành phố và Văn phòng Tiếp công dân Thành phố để tổng hợp, báo cáo chung.

Điều 26. Bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi Quy trình

Trong quá trình thực hiện Quy trình, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phản ánh kịp thời đến Thanh tra Thành phố để tổng hợp, nghiên cứu, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi Quy trình cho phù hợp với các quy định pháp luật và thực tiễn của Thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

M01

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-.....

....., ngày tháng năm 201

KẾ HOẠCH
Xác minh nội dung tố cáo

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Quyết định(1).....

- Thời điểm thụ lý:

II. Nội dung kế hoạch:

1. Nội dung tố cáo:

.....
.....

2. Mục đích, yêu cầu:

.....
.....

3. Nội dung xác minh:

- Tài liệu cần thu thập:

- Nội dung cần xác minh:.....

- Nội dung trao đổi, làm việc với các cơ quan liên quan.....

4. Nhiệm vụ của các thành viên và dự kiến thời gian thực hiện:

.....
.....

III. Điều kiện phục vụ (tài chính, phương tiện):

.....
.....

IV. Việc báo cáo tiến độ thực hiện:

.....

Kính trình lãnh đạo xem xét, phê duyệt.

Ý KIẾN CỦA LÃNH ĐẠO PHÒNG
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN (TỔ TRƯỞNG)
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Quyết định thành lập Tổ xác minh

M02

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC MINH
NỘI DUNG TỔ CÁO

1. Thời gian: từ giờ đến giờ....., thứ ngày tháng năm 201....

2. Địa điểm: tại số, đường, phường (xã, thị trấn), quận (huyện).....

3. Thành phần:

*Đóng
dấu giáp
lại*

Số TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CƠ QUAN
1. Đại diện cơ quan chủ trì xác minh:			
2. Đại diện Ủy ban nhân dân quận (huyện):			
3. Đại diện Ủy ban nhân dân phường (xã, thị trấn):			
4. Đại diện các cơ quan liên quan (nếu có):			

4. Nội dung xác minh:

.....
.....
.....

.....
.....
.....

5. Kết quả xác minh:

.....
.....
.....
.....
.....
.....



Buổi làm việc kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày, biên bản đã đọc cho những người tham dự nghe, công nhận nội dung xác minh là đúng và đồng ý, ký tên./.

**ĐẠI DIỆN UBND
PHƯỜNG (XÃ)**
(Ký tên, đóng dấu xác nhận)

**ĐẠI DIỆN UBND
QUẬN (HUYỆN)**
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
XÁC MINH**
(Ký tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN LIÊN QUAN
(Ký tên)

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1028/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền
hoạt động thủy sản trên địa bàn Thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 08 tháng 3 năm 1993 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 59/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 81/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tại Công văn số 14/PCLB ngày 25 tháng 01 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Phương án đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động thủy sản trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Phương án đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động thủy sản trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị Thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, huyện Nhà Bè và các xã - thị trấn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN

Đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền

hoạt động thủy sản trên địa bàn Thành phố

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND

ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Phần I

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHƯƠNG CHÂM THỰC HIỆN

Điều 1. Mục đích

1. Đảm bảo an toàn cao nhất, giảm thiểu thiệt hại thấp nhất cho người và tàu thuyền hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản.

2. Nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó và xử lý tình huống khi có bão, thiên tai, sự cố tai nạn trong hoạt động khai thác thủy sản, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi, an toàn giúp nhân dân an tâm đầu tư phát triển ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là khai thác xa bờ, nâng cao hiệu quả kinh tế biển và ven biển, khẳng định chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển.

Điều 2. Yêu cầu

1. Quản lý chặt chẽ, chính xác số lượng tàu thuyền, thuyền viên và ngư trường hoạt động khai thác (vị trí, tọa độ) để kịp thời thông tin, hướng dẫn phòng, tránh thiên tai.

2. Các Sở, ngành, chính quyền các cấp, các chủ tàu, thuyền, thuyền viên, người dân hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản phải nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích thiết thực của việc đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động trên biển, trên sông để tăng cường kiểm tra, kiểm soát và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành về phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai.

Điều 3. Phương châm

Quán triệt và thực hiện tốt phương châm: “Chủ động phòng tránh, đối phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả”.

Phần II

CÔNG TÁC TÌM KIẾM CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 4. Khu vực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ

1. Vùng biển và ven biển Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Vùng sông và cửa sông Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Vùng ven biển thuộc các tỉnh giáp ranh thành phố khi có yêu cầu phối hợp, hỗ trợ.

Điều 5. Địa điểm tập kết lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ

1. Trạng thái thường xuyên:

a) Địa điểm:

- Tập kết lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn - cứu hộ:

+ Cầu cảng Tác Xuất (thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ);

+ Cầu cảng Đồng Hòa (xã Long Hòa, huyện Cần Giờ);

+ Bến phà Nhà Bè (xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè).

- Tiếp nhận, sơ cấp cứu người bị nạn:

+ Bệnh viện huyện Cần Giờ (thị trấn Cần Thạnh);

+ Bệnh viện huyện Nhà Bè (xã Phước Kiển).

- Tiếp nhận tàu, thuyền bị nạn:

+ Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão Đồng Đình (xã Long Hòa, huyện Cần Giờ);

+ Cầu cảng Tác Xuất (thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ);

+ Cầu cảng Đồng Hòa (xã Long Hòa, huyện Cần Giờ);

+ Bến phà Bình Khánh (xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ);

+ Bến phà Nhà Bè (xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè).

b) Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị: bao gồm lực lượng, phương tiện, trang thiết bị đã được đầu tư, trang cấp theo quy định của các đơn vị: Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Cảng Sài Gòn, Tân Cảng Sài Gòn, Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Cụ thể:

- Tàu và lực lượng biên chế trên tàu của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố: 04 chiếc (số đăng ký: BP 14-04-01, công suất 300CV; BP 14-04-02, công suất 365CV; BP 14-04-02A, công suất 425CV, BP 14-12-02, công suất 1.100CV).

- Tàu và lực lượng biên chế trên tàu của Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố: 02 chiếc (số đăng ký: CA 50-51-008, công suất 447CV; CA 50-04-14, công suất 1.770CV).

- Tàu và lực lượng biên chế trên tàu kiểm ngư của Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản: 02 chiếc (số đăng ký: SG-2899-KN, công suất 385CV; SG- 9999-KN, công suất 145CV).

- Tàu kéo và lực lượng biên chế trên tàu kéo của Cảng Sài Gòn: 07 chiếc (số đăng ký: CSG 99, công suất 2.400CV; CSG 98, công suất 1.710CV; CSG 240, công suất 2.400CV; CSG 97, công suất 1.710CV; CSG 96, công suất 1.700CV; CSG 95, công suất 1.000CV; CSG 94, công suất 1.200CV).

- Tàu kéo và lực lượng biên chế trên tàu kéo của Tân Cảng Sài Gòn: 07 chiếc (số đăng ký: TC-01, công suất 1.342CV; TC-02, công suất 615CV; TC-04, công suất 1.200CV; TC-06, công suất 1.800CV; TC-08, công suất 1.200CV; TC-10, công suất 600CV; TC-12, công suất 2.520CV).

- Ca nô và lực lượng biên chế trên ca nô: 14 chiếc (05 ca nô của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, 03 ca nô của Bộ Tư lệnh Thành phố, 05 ca nô của Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố và 01 ca nô của Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản).

2. Trường hợp khẩn cấp:

Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện được quyền điều động lực lượng, trưng mua, trưng dụng phương tiện, trang thiết bị của các cơ quan, đơn vị và cá nhân hiện có trên địa bàn để bổ sung năng lực thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đạt kết quả cao nhất.

Phần III **PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

Điều 6. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nhà nước về đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động thủy sản, tổ chức vận động ngư dân sản xuất theo tổ - đội khai thác và nuôi trồng thủy sản trên sông, trên biển, nghiêm chỉnh chấp hành và hợp tác chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong việc thực hiện đảm bảo an toàn và phòng, tránh thiên tai.

2. Thường xuyên cập nhật và nắm chắc số lượng tàu thuyền, thuyền viên xuất bến, cập bến, ngư trường, vị trí, tọa độ đang khai thác trên biển của tàu thuyền địa phương mình để kịp thời thông báo và hướng dẫn phòng, tránh an toàn khi có bão, áp thấp nhiệt đới, thiên tai xảy ra trên biển.

3. Triển khai việc khảo sát, xác định và thông báo rộng rãi các bến neo đậu an toàn cho tàu thuyền trên địa bàn từng xã, thị trấn, có kế hoạch cụ thể để di chuyển, bố trí tàu thuyền neo đậu, hướng dẫn và kiểm tra cách thức neo đậu tàu thuyền đúng quy định trước khi bão đổ bộ vào đất liền, không để xảy ra tình trạng bị va đập khi có sóng to, gió lớn. Quản lý, vận hành và sử dụng hiệu quả khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu thuyền tại khu vực Đồng Đình (xã Long Hòa).

4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và huy động phương tiện, trang thiết bị, lực lượng trên địa bàn huyện tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển, vùng cửa sông, trên sông và tiếp nhận, sơ cấp cứu người bị nạn; tiếp nhận, bảo vệ, quản lý phương tiện bị nạn được tập kết tại huyện.

5. Đảm bảo vận hành, phát tín hiệu báo bão kịp thời, đúng quy định.

Điều 7. Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và huy động phương tiện, trang thiết bị, lực lượng trên địa bàn huyện tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông và tiếp nhận, sơ cấp cứu người bị nạn; phối hợp cùng cơ quan chức năng tiếp nhận, bảo vệ, quản lý phương tiện bị nạn được tập kết tại huyện.

Điều 8. Công an Thành phố

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan trong việc đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động trên sông, ven biển; đảm bảo an ninh trật tự trước, trong và sau quá trình thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

Điều 9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố)

1. Chỉ đạo Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản:

a) Hoàn thiện bộ phận chuyên trách thường trực phòng, chống lụt, bão và tìm

kiểm cứu nạn chuyên ngành thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố: Ban Chỉ huy đặt tại trụ sở Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, địa chỉ: số 126H, Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, bộ phận ứng cứu đặt tại Trạm Bảo vệ nguồn lợi thủy sản huyện Cần Giờ.

b) Triển khai thực hiện đăng ký, đăng kiểm toàn bộ tàu cá thuộc diện phải đăng ký, đăng kiểm theo quy định.

c) Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, xã có liên quan làm tốt công tác đăng ký, đăng kiểm tàu cá; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tàu cá hoạt động trên các vùng biển; thực hiện và kiểm tra việc thực hiện đúng các quy định về trang bị kỹ thuật đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động thủy sản. Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố thực hiện tốt công tác thường trực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ thủy sản trên biển, trên sông.

d) Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ đi biển, đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng cho các tàu cá.

đ) Nắm chắc vị trí, số lượng, thuyền viên, tần số liên lạc của các tàu cá đánh bắt xa bờ khi có thời tiết nguy hiểm, bão, áp thấp nhiệt đới, thiên tai trên biển Việt Nam.

e) Sẵn sàng đưa lực lượng, phương tiện ứng cứu, sơ tán dân khi có lệnh điều động.

g) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nhà nước trong công tác đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động thủy sản.

2. Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão (Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố):

a) Tiếp nhận và truyền phát kịp thời tin bão, tin áp thấp nhiệt đới của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ, công điện, văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn cho Trưởng ban, Phó Trưởng ban thường trực, Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Đài Thông tin Duyên hải Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ để theo dõi và xử lý.

b) Phối hợp chặt chẽ với Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Đài Thông tin Duyên hải Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện liên quan để nắm rõ vị trí, tọa độ các tàu

thuyền đang hoạt động đánh bắt xa bờ, số lượng thuyền viên, tình trạng của tàu và các thiết bị được trang bị trên tàu để liên lạc trước, trong và sau bão hoặc áp thấp nhiệt đới, thiên tai.

c) Thường xuyên theo dõi, thu thập, xử lý các thông tin về bão, áp thấp nhiệt đới (tâm bão, hướng di chuyển, tốc độ, cấp độ), thiên tai để tham mưu cho Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố ban hành các công điện, quyết định để chỉ đạo công tác phòng, tránh, khắc phục hậu quả do bão, áp thấp nhiệt đới, thiên tai gây ra đối với ngành thủy sản Thành phố.

d) Tùy theo tình hình diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp đến địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống và Tìm kiếm cứu nạn lụt bão Thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp viễn thông quyết định việc nhắn tin cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới cho nhân dân Thành phố biết để chủ động phòng, tránh.

Điều 10. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố

1. Phối hợp với cấp ủy và chính quyền địa phương, các lực lượng cũng như các ban - ngành tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành nghiêm túc các quy định về đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động khai thác thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

2. Thiết lập hệ thống thông tin đảm bảo hoạt động liên lạc thông suốt từ trên xuống dưới, giữa Bộ đội Biên phòng với các cơ quan, đơn vị có liên quan, giữa Bộ đội Biên phòng với các tàu đánh cá trên biển.

a) Hệ thống liên lạc gồm 05 đài:

- Biên phòng Sài Gòn - đặt tại Phòng Tham mưu, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố;

- Biên phòng Cần Giờ - đặt tại Hải đội 2;

- Biên phòng Cần Giờ I - đặt tại Đồn Biên phòng 554, xã Thạnh An;

- Biên phòng Cần Giờ II - đặt tại Đồn Biên phòng 558, thị trấn Cần Thạnh;

- Biên phòng Cần Giờ III - đặt tại Đồn Biên phòng 562, xã Long Hòa;

b) Tần số hoạt động quy định: 9339 KHz (sóng ngày), 6973 KHz (sóng đêm).
Máy vô tuyến điện tần số: 145.30 MHz.

c) Trong điều kiện hoạt động thường xuyên: thời gian dùng sóng ngày từ 06h00 đến 17h59, đêm từ 18h00 đến 05h59; chế độ trực canh là 15 phút các đầu giờ.

d) Khi có thông báo bão, áp thấp nhiệt đới, thiên tai hoặc xảy ra sự cố tai nạn tàu thuyền trên biển thì tất cả các đài của Bộ đội Biên phòng Thành phố trong khu vực ảnh hưởng trực tiếp mở máy trực canh liên tục trong 24/24 giờ. Khi cơ động thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bão, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển, các máy vô tuyến điện của Bộ đội Biên phòng Thành phố đặt trên các tàu đều đưa về tần số liên lạc chung. Thực hiện chế độ bắn pháo hiệu báo bão, áp thấp nhiệt đới theo quy định tại Quyết định số 17/2011/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ.

3. Kiểm tra, kiểm soát theo quy định các tàu cá khi cập bến, xuất bến, cập nhật đầy đủ các thông tin về người, phương tiện, hải trình, ngư trường. Kiên quyết không cho xuất bến đối với tàu thuyền hết hạn đăng kiểm, tàu không trang bị đầy đủ các thiết bị đảm bảo an toàn theo quy định.

4. Đảm nhận vai trò là cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ cho người và tàu thuyền hoạt động trên sông, trên biển.

Điều 11. Bộ Tư lệnh thành phố

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ theo Quyết định số 59/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 ban hành Quy định về công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố và Quyết định số 81/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2010 ban hành Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại thành phố của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 12. Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ theo Quyết định số 59/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 ban hành Quy định về công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn thành phố và Quyết định số 81/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2010 ban hành Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại thành phố của Ủy ban nhân dân Thành phố. Tổ chức trực ban nghiêm túc, tiếp nhận mọi thông tin cứu hộ, cứu nạn thông qua tổng đài 114 để triển khai thực hiện nhiệm vụ kịp thời, hiệu quả.

Điều 13. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị liên quan kiểm tra và hướng dẫn thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; thường xuyên duy tu, bảo dưỡng hệ thống phao tiêu báo hiệu đường thủy nội địa trên các tuyến giao thông thủy.

Điều 14. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống và Tìm kiếm cứu nạn lụt bão Thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy và các doanh nghiệp viễn thông đóng trên địa bàn Thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc triển khai thực hiện quy trình định vị thuê bao di động phục vụ cứu hộ, cứu nạn và nhắn tin cảnh báo thiên tai cho nhân dân trên địa bàn Thành phố.

Điều 15. Đài Thông tin Duyên hải Thành phố

Kịp thời thông tin về tình hình, diễn biến, hướng di chuyển của áp thấp nhiệt đới, bão cho các tàu thuyền hoạt động đánh bắt xa bờ trên địa bàn thành phố và hướng dẫn cho các chủ tàu thuyền tránh trú an toàn hoặc thoát ra khỏi, không đi vào vùng nguy hiểm, tiếp nhận các thông tin cứu hộ, cứu nạn trên biển của các tàu, thuyền đánh bắt thủy sản kịp thời cung cấp đầy đủ thông tin vị trí, tọa độ cho Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố và Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ nhanh chóng, hiệu quả.

Điều 16. Cảng vụ Hàng hải Thành phố

Căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mớn nước và trọng tải của tàu thuyền, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền neo đậu, chuyển tải và tránh bão trong vùng nước quy định bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường. Phối hợp với các lực lượng cứu nạn, cứu hộ của Thành phố trong việc huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị ứng cứu các tình huống xấu do thiên tai gây ra trong vùng nước quản lý được nhanh chóng, hiệu quả.

Điều 17. Các cơ quan thông tin tuyên truyền

Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, cơ quan thông tấn báo chí thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 17/2011/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động cho ngư dân hiểu rõ lợi ích, tầm quan trọng và nghĩa vụ phải thực hiện việc trang bị các thiết bị an toàn, mua bảo hiểm tai

nạn tàu thuyền và thuyền viên, đảm bảo tàu thuyền luôn ở trạng thái an toàn khi hoạt động đánh bắt thủy sản.

Điều 18. Chủ tàu thuyền, thuyền trưởng và thuyền viên

1. Chấp hành tốt các quy định mua bảo hiểm cho người và tàu thuyền hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản.

2. Trang bị đầy đủ các trang thiết bị an toàn, cứu nạn, hệ thống thông tin, phương tiện bảo vệ cá nhân cho người và tàu thuyền theo tiêu chuẩn quy định; thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết và thực hiện đúng các hướng dẫn của cơ quan chức năng trong quá trình hoạt động trên biển.

3. Tổ chức sản xuất theo tổ, đội để hỗ trợ, cứu giúp lẫn nhau khi xảy ra sự cố, tai nạn trên biển.

4. Khai báo đúng và đầy đủ tần số liên lạc của tàu, số lượng thuyền viên, ngư trường, tọa độ, vị trí khu vực hoạt động trên biển với đơn vị Bộ đội Biên phòng khi xuất bến.

5. Khi có bão, áp thấp nhiệt đới, thiên tai phải chủ động báo cho Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản vị trí, tọa độ tàu đang khai thác trên biển và chấp hành mọi sự điều động, hướng dẫn phòng, tránh của các cơ quan chức năng.

6. Chủ tàu, thuyền trưởng phải đảm bảo tàu thuyền đánh bắt thủy sản luôn ở trạng thái an toàn, có đầy đủ các trang thiết bị an toàn cho người và tàu thuyền (áo phao, phao cứu sinh, thiết bị thông tin liên lạc, đèn, còi, trang bị công cụ, thiết bị chống cháy, chống chìm...); khai báo chính xác tần số liên lạc của đài tàu với Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Đài Thông tin Duyên hải thành phố và Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú. Phải có đủ chứng chỉ chuyên môn (bằng thuyền trưởng, máy trưởng và số thuyền viên tàu cá phù hợp với từng nhóm tàu theo quy định).

7. Luôn mang theo danh bạ điện thoại, tần số thông tin cứu nạn, cấp cứu cần thiết; khuyến khích các chủ tàu đầu tư trang bị phao tự thổi.

Điều 19. Người lái tàu cá và người làm việc trên tàu cá

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn cho người và tàu cá.

2. Phải trang bị hệ thống thông tin theo quy định tại tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành để liên lạc giữa tàu và các cơ quan chức năng quản lý, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên bờ, khuyến khích trang bị máy vô tuyến, định vị vệ tinh.

3. Luôn mang theo radio, danh bạ điện thoại, tần số thông tin cứu hộ, cứu nạn.

4. Phải trang bị đầy đủ theo tiêu chuẩn ngành về phao, đèn, còi, trang bị công cụ, thiết bị chống cháy, chống chìm...

Phần IV

ĐẢM BẢO AN TOÀN, CỨU NẠN, CỨU HỘ THƯỜNG XUYÊN

Điều 20. Khi tàu cá bị nạn ở khu vực xa bờ thì thuyền trưởng liên lạc ngay cho các tàu gần nhất, đồng thời chủ tàu hoặc thuyền trưởng thông báo cho Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Đài Thông tin Duyên hải thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố và Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố để sẵn sàng tổ chức ứng cứu, phát tín hiệu và phối hợp ứng cứu khi cần thiết.

1. Trường hợp tàu cá bị nạn ở khu vực gần bờ, khi phát hiện, tiếp nhận thông tin, cơ quan chỉ huy sử dụng tàu của Hải đội 2 - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, tàu kiểm ngư của Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản để tổ chức cứu hộ, cứu nạn.

2. Trường hợp tàu cá gặp sự cố xa bờ, tàu của các cơ quan tìm kiếm cứu nạn Thành phố không thể ra kịp thì khẩn trương gọi điện báo Ban Cứu nạn Quốc gia hoặc Trung tâm Cứu nạn vùng gần nhất hỗ trợ, ứng cứu.

Điều 21. Khi Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản hoặc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố nhận được điện báo cấp cứu, phải thông báo cho nhau và báo cáo ngay cho Trưởng ban, Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố để quyết định ngay biện pháp ứng phó khẩn cấp nhằm xử lý kịp thời việc cứu nạn, cứu hộ.

Trường hợp không định được vị trí tàu thuyền bị nạn, đơn vị nhận được tin báo về Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông đóng trên địa bàn Thành phố để tổ chức triển khai thực hiện quy trình định vị thuê bao di động phục vụ cứu hộ, cứu nạn.

Phần V

ĐẢM BẢO AN TOÀN, CỨU NẠN, CỨU HỘ KHI CÓ ÁP THÁP NHIỆT ĐỐI, BÃO, THIÊN TAI

Điều 22. Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản rà soát lại số lượng tàu thuyền, thuyền viên, tọa độ, vị trí đang hoạt động khai thác trên biển của

các tàu khai thác xa bờ, thông báo cho thuyền trưởng các tàu tìm chỗ tránh, trú áp thấp nhiệt đới, bão, thiên tai an toàn, đối với các tàu đang di chuyển trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của áp thấp nhiệt đới, bão, thiên tai thì thông tin, hướng dẫn cho các tàu phương án tránh, trú bão tối ưu và báo cáo các cơ quan cấp trên hỗ trợ cứu nạn khi cần thiết.

Điều 23. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố tổ chức bắn pháo hiệu theo đúng quy định báo bão cho các tàu thuyền đang khai thác ở tuyến lộng và tuyến bờ biết để khẩn trương vào đất liền trú ẩn an toàn.

Điều 24. Trước khi có bão, áp thấp nhiệt đới, thiên tai, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố điều động lực lượng tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đến các vị trí trực chiến để sẵn sàng triển khai phương án tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả nhất, đảm bảo hạn chế thấp nhất thiệt hại và tổ chức công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn ngay sau bão, áp thấp nhiệt đới, thiên tai xảy ra.

Điều 25. Trường hợp bão, áp thấp nhiệt đới, thiên tai gây tổn thất lớn về người và phương tiện tàu thuyền, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy, Bộ Tư lệnh Thành phố phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân quận - huyện điều động, trưng dụng tàu thuyền của ngư dân, tàu thuyền của các doanh nghiệp hiện có tại các bến gần nhất để cùng tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo ngay để Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố quyết định.

Phần VI

ĐIỀU HÀNH, CHỈ HUY

Điều 26. Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố chịu trách nhiệm chung trong việc chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, điều phối hoạt động của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện có liên quan. Trong trường hợp khẩn cấp sẽ điều động phương tiện, trang thiết bị, lực lượng để tăng cường cho công tác phòng tránh, ứng phó và khắc phục các sự cố do thiên tai, bão, áp thấp nhiệt đới, tai nạn tàu thuyền hoạt động trên biển, trên sông. Khi Trưởng ban vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Trưởng ban thường trực thay thế trách nhiệm điều hành, chỉ huy.

Điều 27. Trong trạng thái thường xuyên, các ngành, các cấp theo nhiệm vụ,

quyền hạn đã được phân công chủ động kiểm tra, rà soát việc thực hiện phương án tại đơn vị, địa phương mình. Khi xảy ra sự cố thiên tai ảnh hưởng đến người và tàu thuyền hoạt động thủy sản trên biển, trên sông, cơ quan thường trực phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn chuyên ngành thủy sản chủ động và kịp thời phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý theo thẩm quyền, đồng thời báo cáo ngay cho Trưởng ban và Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố để theo dõi, chỉ đạo.

Phần VII

QUY ĐỊNH TRỰC BAN

Điều 28. Tàu kiểm ngư của Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tàu, ca nô của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Trung tâm Cứu nạn hàng hải sẵn sàng điều động tàu khi có tín hiệu cứu nạn, cứu hộ.

Điều 29. Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tổ chức trực ban 24/24 giờ khi có bão, áp thấp nhiệt đới, thiên tai, tần số trực canh: 44244; tên đài: “Chi cục”; địa chỉ: số 126H Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; số điện thoại: 083.9904.774 hoặc 0903.824.875 (Chi cục trưởng), 0903.635.460 (Chi cục phó); fax: 083.9901.598 hoặc 083.9904.774.

Điều 30. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố tổ chức trực ban 24/24 giờ khi có bão, áp thấp nhiệt đới hoặc sự cố được thông báo xảy ra, tần số: 9339 KHz (sóng ngày), 6973 (sóng đêm); tên đài: “Biên phòng Sài Gòn”, “Biên phòng Cần Giờ”, “Biên phòng Cần giờ I”, “Biên phòng Cần giờ II”, “Biên phòng Cần Giờ III”, địa chỉ: 189B Cống Quỳnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; điện thoại: 083.8357.741 - 083.9252.624 hoặc 0903.858.707 (Phó Chỉ huy trưởng - Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Bộ đội Biên phòng Thành phố Hồ Chí Minh); fax: 08 39.254.700.

Điều 31. Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tổ chức trực ban 24/24 giờ, tiếp nhận mọi thông tin cứu hộ, cứu nạn thông qua tổng đài 114 để triển khai thực hiện nhiệm vụ kịp thời, hiệu quả.

Phần VIII

ĐẢM BẢO VỀ HẬU CẦN, TÀI CHÍNH

Điều 32. Đội tàu của Hải đội II thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố,

tàu kiểm ngư thuộc Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản phải luôn chuẩn bị đầy đủ cơ số xăng, dầu, lương thực, nước uống cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong 07 ngày.

Điều 33. Các phương tiện sử dụng cho hoạt động cứu nạn, cứu hộ phải luôn trang bị đầy đủ các trang thiết bị về y tế sơ cấp cứu; áo phao, phao cứu sinh phải đảm bảo đủ số lượng, chất lượng và chủng loại để thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao.

Điều 34. Chi phí xăng dầu và các chi phí liên quan đến công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ sẽ được thanh toán theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1158/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch kiểm tra, khảo sát công tác kiểm soát
thủ tục hành chính năm 2014 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Quyết định số 79/2011/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 80/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014 trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1079/TTr-STP ngày 06 tháng 3 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra, khảo sát công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, khảo sát công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND

ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính tại các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, nhất là việc rà soát, đánh giá tác động, công bố, công khai thủ tục hành chính;

b) Kiểm tra, khảo sát các mô hình liên thông hiện đang áp dụng tại các cơ quan, đơn vị để rút kinh nghiệm hoặc nhân rộng áp dụng trên phạm vi toàn thành phố;

c) Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; xử lý nghiêm các trường hợp tự đặt ra thủ tục hành chính, hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật, chậm trễ trong việc giải quyết thủ tục hành chính, gây khó khăn, phiền hà, những nhiễu đối với cá nhân, tổ chức trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính;

d) Ghi nhận những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, kịp thời có giải pháp tháo gỡ; biểu dương, nhân rộng các cách làm hay, có hiệu quả;

đ) Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính mà trọng tâm là giải quyết thủ tục hành chính.

2. Yêu cầu:

a) Công tác kiểm tra phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời, khách quan,

công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật, đảm bảo các nội dung kiểm tra theo Điều 1 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP;

b) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn quán triệt đến đội ngũ cán bộ, công chức, xác định công tác kiểm soát thủ tục hành chính là công việc trọng tâm, thường xuyên và liên tục trong chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Công tác chỉ đạo, điều hành về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị:

a) Việc triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014 (Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố);

b) Việc kiện toàn và thực hiện hỗ trợ tài chính cho đội ngũ cán bộ, công chức đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính;

c) Các nội dung khác có liên quan đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Thực hiện đánh giá tác động dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính đối với các Sở, ban, ngành Thành phố.

3. Thực hiện rà soát, công bố, công khai thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị.

4. Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị:

a) Việc tuân thủ quy định thủ tục hành chính đã được công bố, niêm yết công khai trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức (kiểm tra thực tế hồ sơ giải quyết ở một số lĩnh vực);

b) Việc giải quyết thủ tục hành chính: tổng số hồ sơ đã tiếp nhận; tổng số hồ sơ giải quyết đúng hạn; tổng số hồ sơ giải quyết trễ hạn - nguyên nhân chủ quan, khách quan.

c) Việc thực hiện mô hình liên thông nhóm thủ tục hành chính đang áp dụng tại các cơ quan, đơn vị.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công tác truyền thông phục vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.

6. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định

hành chính (Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ, Quyết định số 80/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố):

a) Việc công khai địa chỉ cơ quan tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; thư điện tử; website; email; số điện thoại chuyên dùng tại trụ sở cơ quan hành chính;

b) Việc xử lý phản ánh, kiến nghị được chuyển đến để xử lý theo thẩm quyền (gồm tổng số phản ánh, kiến nghị được chuyển đến; tổng số phản ánh, kiến nghị đã xử lý; số phản ánh, kiến nghị chưa xử lý - nguyên nhân).

7. Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị:

Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; đề xuất giải pháp khắc phục (nếu thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân Thành phố); kiến nghị đối với thẩm quyền của Trung ương.

III. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA:

1. Thành phần Đoàn kiểm tra, gồm:

- Lãnh đạo Sở Tư pháp (Trưởng đoàn), Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Sở Tư pháp;

- Đại diện Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Đại diện Sở Nội vụ;

- Đại diện một số Sở, ngành có liên quan.

2. Thành phần cơ quan, đơn vị được kiểm tra, gồm:

- Đối với Sở, ngành: Giám đốc (hoặc Phó Giám đốc), Trưởng phòng Pháp chế (hoặc Chánh Văn phòng), cán bộ đầu mối phụ trách công tác kiểm soát thủ tục hành chính và các phòng ban có liên quan.

- Đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện: Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch), Trưởng Phòng Tư pháp, Chánh Văn phòng (hoặc Phó Chánh Văn phòng phụ trách bộ phận tiếp nhận và trả kết quả), cán bộ đầu mối phụ trách công tác kiểm soát thủ tục hành chính và các phòng ban có liên quan.

IV. CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN

1. Cơ quan, đơn vị được kiểm tra và thời gian dự kiến: Theo Phụ lục đính kèm.

Ngoài các đơn vị được kiểm tra theo Kế hoạch, Đoàn kiểm tra có thể thực hiện việc kiểm tra đột xuất tại một số cơ quan, đơn vị có phản ánh, kiến nghị trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức hoặc qua thông tin báo chí...

2. Địa điểm: Tại trụ sở các cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, khảo sát công tác kiểm soát thủ tục hành chính chi tiết trên cơ sở của Kế hoạch này;

b) Phối hợp với Sở, ngành có liên quan trong việc cử người tham gia Đoàn kiểm tra; ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra;

c) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị được kiểm tra thực hiện việc báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị để phục vụ công tác kiểm tra;

d) Tổ chức kiểm tra thực tế tại các cơ quan, đơn vị theo nội dung Kế hoạch chi tiết và tổng hợp kết quả kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố sau khi kết thúc thời gian thực hiện kiểm tra.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong Đoàn kiểm tra:

a) Phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

b) Cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn kiểm tra đúng thành phần.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được kiểm tra:

a) Báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra;

b) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp;

c) Tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung kết luận của Đoàn kiểm tra; chấn chỉnh, khắc phục kịp thời các thiếu sót (nếu có) trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị.

4. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện:

a) Sở, ban, ngành Thành phố chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại các phòng ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc.

b) Ủy ban nhân dân quận, huyện chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại các phòng ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thuộc quận, huyện.

c) Báo cáo kết quả kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính về Sở Tư pháp để theo dõi.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Giao Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn Sở Tư pháp sử dụng kinh phí hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014 và quyết toán kinh phí theo quy định để thực hiện Kế hoạch này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA	THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA
I. DỰ KIẾN KIỂM TRA TRONG THÁNG 5 NĂM 2014		
1	Sở Giao thông vận tải	Lãnh đạo Sở Tư pháp, Phòng Kiểm soát TTHC; đại diện Văn phòng UBND Thành phố, Sở Nội vụ và Sở, ngành có liên quan
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	nt
3	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	nt
4	Ban Quản lý Khu Nam	nt
5	Ủy ban nhân dân Quận 3	nt
6	Ủy ban nhân dân Quận 6	nt
7	Ủy ban nhân dân Quận 9	nt
8	Ủy ban nhân dân Quận 12	nt
9	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	nt
10	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	nt
II. DỰ KIẾN KHẢO SÁT TRONG THÁNG 8 NĂM 2014		
1	Cục Thuế Thành phố	Lãnh đạo Sở Tư pháp, Phòng Kiểm soát TTHC; đại diện Văn phòng UBND Thành phố, Sở Nội vụ và Sở, ngành có liên quan

2	Công an Thành phố và Công an một số quận, huyện	nt
3	Bảo hiểm xã hội Thành phố và Bảo hiểm xã hội một số quận, huyện	nt
III. DỰ KIẾN KIỂM TRA TRONG THÁNG 9 NĂM 2014		
1	Sở Nội vụ	Lãnh đạo Sở Tư pháp, Phòng Kiểm soát TTHC; đại diện Văn phòng UBND Thành phố, Sở Nội vụ và Sở, ngành có liên quan
2	Sở Khoa học và Công nghệ	nt
3	Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	nt
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	nt
5	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	nt
6	Ủy ban nhân dân Quận 7	nt
7	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	nt
8	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	nt
9	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	nt
10	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	nt

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2014

CHỈ THỊ

**Về tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước năm 2014
và tổ chức các hoạt động lập thành tích chào mừng kỷ niệm 60 năm
Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ và các ngày Lễ lớn trong năm 2014**

Trong năm 2013, Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thành phố đã tăng cường các biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo để không ngừng đổi mới nội dung, phương thức tổ chức phong trào thi đua, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân với tinh thần chủ đề phát động thi đua của Trung ương “Đồng thuận cao - Thi đua giỏi - Về đích sớm” và khẩu hiệu hành động của Thành phố “Đồng tâm - Hiệp lực - Vượt khó - Thành công”. Phong trào thi đua đã được sự hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân, của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố, góp phần tạo động lực tích cực thực hiện hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của Thành phố trong điều kiện nền kinh tế hết sức khó khăn và nhiều thách thức.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 725/CT-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, Thành phố đã tổ chức triển khai có hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới”, phong trào “An toàn giao thông” gắn với phong trào thi đua thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 1973/CT-TTg, ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và nhiều phong trào thi đua ngắn ngày theo từng ngành, lĩnh vực nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo động lực mạnh mẽ, góp phần tích cực thực hiện có hiệu quả các chương trình trọng tâm, đột phá do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX đề ra và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, kiểm chế lạm phát, ổn định phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân Thành phố năm 2013.

Nhằm phát huy kết quả đạt được trong năm 2013 và để thực hiện thắng lợi các

mục tiêu, nhiệm vụ và chương trình, kế hoạch công tác trọng tâm của Thành phố năm 2014 và hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo kế hoạch 05 năm (2011 - 2015), đồng thời thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm các ngày Lễ lớn trong năm 2014: kỷ niệm 60 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2014), 70 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2014). Tiến tới kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2015: kỷ niệm 85 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2015), kỷ niệm 40 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2015), kỷ niệm 125 năm ngày sinh Bác Hồ kính yêu (19/5/1890 - 19/5/2015), kỷ niệm 70 năm ngày Quốc khánh Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2015), tiến tới Đại hội Đảng các cấp, Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VI và chào mừng Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ IX. Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổng công ty, công ty và các đơn vị thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tập trung thực hiện tốt các nội dung sau đây:

1. Đẩy mạnh việc quán triệt, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc, các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Hiến pháp năm 2013 và triển khai thực hiện Luật Thi đua - Khen thưởng sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng sau khi có hiệu lực thi hành.

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự điều hành của Chính quyền và công tác phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị, nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân Thành phố về vị trí, vai trò, tác dụng của phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua, khen thưởng trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập, qua đó làm chuyển biến sâu rộng trong mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi cá nhân, tạo thành động lực mạnh mẽ với ý thức tự giác, chủ động, sáng tạo và trách nhiệm khi tham gia hưởng ứng phong trào thi đua.

2. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và các giải pháp trong tổ chức phong trào thi đua yêu nước, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua. Nội dung phong trào thi đua phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch của Thành phố, của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cơ quan, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp, đặc biệt chú trọng đề ra các giải pháp để thực hiện có hiệu quả 6 Chương trình đột

phá theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX đề ra và những vấn đề cấp bách, khó khăn, phức tạp của từng ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; gắn với phong trào thi đua thực hiện năm chủ đề của Trung ương “**Đồng thuận cao, thi đua giỏi, về đích sớm**” và khẩu hiệu hành động của Thành phố năm 2014 “**Phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm, ra sức thi đua lập công xuất sắc**”, tạo khí thế thi đua sôi nổi, rộng khắp và đạt được hiệu quả thiết thực, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2014 và phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh tế - xã hội 05 năm (2011 - 2015).

3. Phát động phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề và tổ chức các hoạt động thi đua với nội dung, hình thức phù hợp để lập thành tích chào mừng các ngày Lễ lớn trong năm 2014: Kỷ niệm 60 năm Ngày Chiến thắng Điện Biên phủ; 70 năm Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2014) gắn với việc thực hiện “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, phong trào thi đua “Cả Thành phố chung sức xây dựng Nông thôn mới”, phong trào “Lập lại trật tự an toàn giao thông”, phong trào thi đua “Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”, phong trào thi đua “Dân vận khéo”, nâng cao hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, phong trào thi đua thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, cuộc vận động “Vi người nghèo”, cuộc vận động “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc” và các phong trào mang tính từ thiện, xã hội.

4. Mỗi cơ quan, địa phương, đơn vị tổ chức phát động rộng rãi trong cán bộ, đảng viên, người lao động và các tầng lớp nhân dân xây dựng mô hình, các công trình thi đua lập thành tích chào mừng Kỷ niệm 60 năm ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ, 70 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và các ngày Lễ, ngày truyền thống của cơ quan, địa phương, đơn vị; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Thành phố, cấp quận - huyện chọn một số mô hình, công trình tiêu biểu để gắn biển Công trình Thi đua năm 2014, năm 2015 và tuyên dương, khen thưởng trong Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VI.

5. Thông qua phong trào thi đua, phải thường xuyên quan tâm việc phát huy sáng kiến, xây dựng mô hình, cách làm hay, tăng năng suất lao động, nâng cao hàm lượng chất xám, nâng cao chất lượng sản phẩm và nghiên cứu khoa học, qua đó phát hiện nhân tố mới, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến. Chú trọng công tác tuyên truyền thông qua các phương tiện truyền thông để cổ vũ, động viên phong trào thi đua, nêu gương người tốt, việc tốt, gương điển hình tiên tiến, gương

lao động giỏi, lao động sáng tạo, tạo sự lan tỏa rộng lớn trong các cấp, các ngành, lĩnh vực và đời sống xã hội của Thành phố nhằm lấy cái tốt để đẩy lùi cái xấu, xây dựng nếp sống mới và xây dựng Thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

6. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác khen thưởng; trên cơ sở tiêu chuẩn, điều kiện theo pháp luật quy định phải đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch, tính giáo dục và nêu gương được dư luận xã hội đồng thuận. Chú trọng việc phát hiện các nhân tố mới, những tập thể, cá nhân trực tiếp lao động, sản xuất, có những đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm mang lại hiệu quả thiết thực và phục vụ tốt yêu cầu của nhân dân; quan tâm phát hiện, kịp thời đề xuất khen thưởng “Những tấm gương thầm lặng mà cao cả”, gương “Người tốt, việc tốt”. Việc tôn vinh, khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng kể cả hình thức khen thưởng cao và khen thưởng cấp mình phải được tổ chức trang trọng, nghiêm túc, tránh hình thức và lãng phí.

7. Tổ chức thực hiện:

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, các Tổng công ty, công ty và các đơn vị thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng kế hoạch, phát động phong trào thi đua trên tinh thần cụ thể hóa những nội dung của Chi thị này. Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết và khen thưởng kịp thời để động viên các nhân tố mới, những tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, tạo sự phấn khởi và động viên tinh thần hăng hái thi đua lao động sản xuất, học tập và công tác của các đối tượng tham gia thi đua; báo cáo định kỳ tiến độ thực hiện và kết quả của phong trào thi đua theo quy định về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ).

- Các đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động cụm, khối; xây dựng nội dung sinh hoạt chuyên đề thi đua gắn với các hoạt động kỷ niệm các ngày Lễ lớn (năm chẵn) trong năm; những nhiệm vụ trọng tâm, những lĩnh vực khó khăn, phức tạp để đưa ra thảo luận các giải pháp, cách làm và bài học kinh nghiệm thiết thực để nhân rộng, tạo sự lan tỏa thành động lực phong trào thi đua của từng đơn vị trong cụm, khối thi đua và góp phần đẩy mạnh phong trào thi đua của Thành phố; tổ chức tốt các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao để tạo không khí thi đua sôi nổi, rộng khắp ở các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân Thành phố.

b) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các đoàn thể chính trị xã hội và các tổ chức xã hội nghề nghiệp chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với cấp ủy,

chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối Đại đoàn kết toàn dân tộc, vận động cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên, viên chức, người sử dụng lao động, người lao động và các tầng lớp nhân dân Thành phố tích cực hưởng ứng và tham gia thực hiện phong trào thi đua với tinh thần tự giác cao và đạt được hiệu quả thiết thực, để phong trào thi đua yêu nước thực sự là phong trào hành động cách mạng của quần chúng, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển Thành phố.

c) Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Thường trực Ban Tổ chức các ngày lễ lớn) chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng của Thành phố và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động chào mừng kỷ niệm các ngày Lễ lớn năm 2014, kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt, gương điển hình tiên tiến và những nhân tố mới trong phong trào thi đua của Thành phố. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm và các hoạt động chào mừng các ngày Lễ lớn (năm chẵn) năm 2014.

d) Giao Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ), tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Chỉ thị này; đồng thời có nhiệm vụ phối hợp với các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố tổ chức kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và báo cáo thường xuyên, kịp thời về tình hình, tiến độ triển khai và kết quả thực hiện phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị; giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố thẩm định thành tích để xem xét biểu dương, khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng chính xác, kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp tích cực trong phong trào thi đua và các hoạt động chào mừng kỷ niệm các ngày Lễ lớn (năm chẵn) năm 2014.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Tổng công ty, công ty và các đơn vị thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này, báo cáo định kỳ 06 tháng và tổng kết năm cho Ủy ban nhân dân Thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 1****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 155/QĐ-UBND

Quận 1, ngày 28 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH**Về công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
kỳ đầu theo Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của
Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 18/TTr-TP ngày 25 tháng 02 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ đầu (tính đến ngày 31/12/2013) của Ủy ban nhân dân quận 1 theo Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm:

1. Tập hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 1 trong kỳ hệ thống hóa.

2. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 1 thuộc đối tượng hệ thống hóa trong kỳ hệ thống hóa.

3. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 1 thuộc đối tượng hệ thống hóa trong kỳ hệ thống hóa.

4. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 1 cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong kỳ hệ thống hóa.

5. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 1 hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong kỳ hệ thống hóa.

Điều 2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 1 chịu trách nhiệm niêm yết kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại trụ sở của Ủy ban nhân dân quận 1.

Điều 3. Giao Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin quận 1 chịu trách nhiệm đăng tải kết quả rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân quận 1.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 1, Thủ trưởng các phòng ban đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trương Hải Hiếu

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
THUỘC ĐỐI TƯỢNG HỆ THỐNG HÓA TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
I. LĨNH VỰC QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT					
1.	Nghị quyết	05/2006/NQ-HĐND Ngày 07/7/2006	Nghị quyết HĐND quận 1 khóa IX kỳ họp thứ 7 về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận 1	14/7/2006	
2.	Nghị quyết	07/2007/NQ-HĐND Ngày 20/12/2007	Nghị quyết HĐND quận 1 khóa IX kỳ họp thứ 11 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2006 - 2010 của quận 1	24/12/2007	
3.	Nghị quyết	10/2008/NQ-HĐND Ngày 17/12/2008	Về quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010, kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của 10 phường quận 1	24/12/2008	
II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH LỘ GIỚI MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG					
1.	Nghị quyết	09/2006/NQ-HĐND Ngày 10/10/2006	Nghị quyết HĐND quận 1 khóa IX kỳ họp thứ 8 về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch lộ giới một số tuyến đường và hẻm < 12 m trên địa bàn quận 1	17/10/2006	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
2.	Nghị quyết	11/2008/NQ-HĐND Ngày 12/7/2008	Về điều chỉnh quy hoạch một số tuyến đường và hẻm ≤ 12 m các phường Đa Kao, Nguyễn Cư Trinh, Cô Giang, Bến Thành, Cầu Kho, Tân Định thuộc quận 1	24/7/2008	
III. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG					
1.	Nghị quyết	08/2006/NQ-HĐND Ngày 10/10/2006	Nghị quyết HĐND quận 1 khóa IX kỳ họp thứ 8 về quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 tại 7 phường thuộc quận 1	17/10/2006	
IV. LĨNH VỰC QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ					
1.	Quyết định	2367/2009/QĐ-UBND Ngày 06/8/2009	Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận 1	13/8/2009	
2	Quyết định	3027/2009/QĐ-UBND Ngày 15/10/2009	Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng Y tế quận 1.	22/10/2009	
3.	Quyết định	3547/2009/QĐ-UBND Ngày 18/12/2009	Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng Văn Hóa và Thông tin quận 1.	25/12/2009	
4.	Quyết định	134/2010/QĐ-UBND Ngày 19/01/2010	Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng Tư pháp quận 1.	26/01/2010	
5.	Quyết định	01/2013/QĐ-UBND Ngày 08/05/13	Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 1.	15/5/2013	
6.	Quyết định	02/2013/QĐ-UBND Ngày 08/05/13	Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 1.	15/5/2013	
V. LĨNH VỰC KHÁC					
1.	Quyết định	494/2007/QĐ-UBND Ngày 06/06/2007	Về ban hành quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong phạm vi địa bàn quận 1	13/6/2007	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
2.	Quyết định	2071/2008/QĐ-UBND Ngày 22/10/2008	Về ban hành quy định trình tự thủ tục tổ chức thực hiện quyết định hành chính trên địa bàn quận 1	29/10/2008	
3.	Quyết định	2315/2009/QĐ-UBND Ngày 06/8/2009	Ban hành quy chế phối hợp quản lý môi trường và vệ sinh đô thị trên địa bàn quận 1.	13/8/2009	
4.	Quyết định	01/2012/QĐ-UBND Ngày 31/5/2012	Ban hành quy định khu vực đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi để tài liệu phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn quận 1.	07/6/2012	
5.	Chỉ thị	03/2007/CT-UBND Ngày 17/01/2007	Về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	24/01/2007	
6.	Chỉ thị	04/2008/CT-UBND Ngày 09/6/2008	Về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng an ninh toàn dân trước tình hình mới trên địa bàn quận 1.	16/6/2008	
Tổng số: 18 văn bản					

Người lập bảng

Trương Thị Ngọc Thuận

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trương Hải Hiếu

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÒN HIỆU LỰC
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
THUỘC ĐỐI TƯỢNG HỆ THỐNG HÓA TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
I. LĨNH VỰC QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT					
1.	Nghị quyết	05/2006/NQ-HĐND Ngày 07/7/2006	Nghị quyết HĐND quận 1 khóa IX kỳ họp thứ 7 về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận 1	14/7/2006	
2.	Nghị quyết	07/2007/NQ-HĐND Ngày 20/12/2007	Nghị quyết HĐND quận 1 khóa IX kỳ họp thứ 11 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2006 - 2010 của quận 1	24/12/2007	
3.	Nghị quyết	10/2008/NQ-HĐND Ngày 17/12/2008	Về quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010, kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của 10 phường quận 1	24/12/2008	
II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH LỘ GIỚI MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG					
1.	Nghị quyết	09/2006/NQ-HĐND Ngày 10/10/2006	Nghị quyết HĐND quận 1 khóa IX kỳ họp thứ 8 về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch lộ giới một số tuyến đường và hẻm < 12 m trên địa bàn quận 1	17/10/2006	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
2.	Nghị quyết	11/2008/NQ-HĐND Ngày 12/7/2008	Về điều chỉnh quy hoạch một số tuyến đường và hẻm ≤ 12 m các phường Đa Kao, Nguyễn Cư Trinh, Cô Giang, Bến Thành, Cầu Kho, Tân Định thuộc quận 1	24/7/2008	
III. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG					
1.	Nghị quyết	08/2006/NQ-HĐND Ngày 10/10/2006	Nghị quyết HĐND quận 1 khóa IX kỳ họp thứ 8 về quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 tại 7 phường thuộc quận 1	17/10/2006	
IV. LĨNH VỰC QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ					
1.	Quyết định	2367/2009/QĐ-UBND Ngày 06/8/2009	Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận 1	13/8/2009	
2	Quyết định	3027/2009/QĐ-UBND Ngày 15/10/2009	Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng Y tế quận 1.	22/10/2009	
3.	Quyết định	3547/2009/QĐ-UBND Ngày 18/12/2009	Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng Văn Hóa và Thông tin quận 1.	25/12/2009	
4.	Quyết định	134/2010/QĐ-UBND Ngày 19/01/2010	Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng Tư pháp quận 1.	26/01/2010	
5.	Quyết định	01/2013/QĐ-UBND Ngày 08/05/13	Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 1.	15/5/2013	
6.	Quyết định	02/2013/QĐ-UBND Ngày 08/05/13	Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 1.	15/5/2013	
V. LĨNH VỰC KHÁC					
1.	Quyết định	494/2007/QĐ-UBND Ngày 06/06/2007	Về ban hành quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong phạm vi địa bàn quận 1	13/6/2007	Hết hiệu lực một phần

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
2.	Quyết định	2315/2009/QĐ-UBND Ngày 06/8/2009	Ban hành quy chế phối hợp quản lý môi trường và vệ sinh đô thị trên địa bàn quận 1.	13/8/2009	
3.	Quyết định	01/2012/QĐ-UBND Ngày 31/5/2012	Ban hành quy định khu vực đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi để tài liệu phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn quận 1.	07/6/2012	
4.	Chỉ thị	03/2007/CT-UBND Ngày 17/01/2007	Về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	24/01/2007	
5.	Chỉ thị	04/2008/CT-UBND Ngày 09/6/2008	Về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng an ninh toàn dân trước tình hình mới trên địa bàn quận 1.	16/6/2008	
Tổng số: 17 văn bản					

Người lập bảng

Trương Thị Ngọc Thuận

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trương Hải Hiếu

DANH MỤC

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1 CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ,
BÃI BỎ HOẶC BAN HÀNH MỚI TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
1	Quyết định	2315/2009/QĐ-UBND Ngày 06/8/2009	Ban hành quy chế phối hợp quản lý môi trường và vệ sinh đô thị trên địa bàn quận 1.	Sửa đổi, bổ sung	Các đơn vị được quy định trong văn bản đã được thay đổi (Công ty công trình công cộng hiện nay là Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 1; Thanh tra quận chấm dứt hoạt động hiện nay do Đội Quản lý trật tự Đô thị trực thuộc Phòng Quản lý Đô thị quận thực hiện) và một số căn cứ pháp lý ban hành, các quyết định được quy định trong văn bản đã hết hiệu lực như Nghị định số 81/2006/NĐ-CP, Quyết định số 2608/2008/QĐ-UBND, Nghị định số 81/2006/NĐ-CP .	Phòng Tài nguyên Môi trường	28/02/2014

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
2	Quyết định	2367/2009/QĐ-UBND Ngày 06/8/2009	Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận 1.	Sửa đổi, bổ sung	Nội dung văn bản áp dụng Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 đã hết hiệu lực và theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Quyết định 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 1 không còn chức năng lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quyết định.	Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận 1	28/02/2014
3	Quyết định	134/2010/QĐ-UBND Ngày 19/01/2010	Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng Tư pháp quận 1.	Sửa đổi, bổ sung	Hiện nay một số quy định pháp luật hiện hành bao gồm Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012; Nghị định số 79/2007/NĐ-CP; Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 đã bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp về công tác thi hành pháp luật, bồi thường nhà nước, kiểm soát thủ tục hành chính, xử lý vi phạm hành chính, thẩm quyền sao y chứng thực tiếng Việt và chưa được bổ sung trong quy chế.	Phòng Tư pháp	28/02/2014

Người lập bảng

Trương Thị Ngọc Thuận

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trương Hải Hiếu

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1 HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ
HOẶC MỘT PHẦN TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1.	Quyết định	2071/2008/QĐ-UBND ngày 22/10/2008	Ban hành quy định trình tự thủ tục tổ chức thực hiện quyết định hành chính trên địa bàn quận 1	Nội dung của Quyết định không còn phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP, Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND, Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND và đã bị bãi bỏ theo Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 1.	24/01/2014
Tổng số: 01 văn bản					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1.	Quyết định	494/2007/QĐ-UBND ngày 06/6/2007	Hết hiệu lực Chương II, Khoản 1 Điều 13 và Khoản 1 Điều 15, Chương IV và VIII của Quyết định	Nội dung Chương II, Khoản 1 Điều 13 và Khoản 1 Điều 15, Chương IV và VIII của Quyết định không phù hợp theo Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 18/4/2012 và Quyết định 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 và đã bị bãi bỏ theo Quyết định bãi bỏ số 103/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 1.	24/01/2014
Tổng số: 01 văn bản					

Người lập bảng**Trương Thị Ngọc Thuận****KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH****Lê Trương Hải Hiếu**

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng